TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:114/2026/QĐST- HNGĐ	*Gia Lai, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2026/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa;

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Lê Minh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 14, Ấp Thọ L (nay là Khu phố Thọ Lộc), phường Xuân F, thành phố Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thu N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Đoàn K, xã Ia B, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị Thu N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

V*ề quan hệ hôn nhân*: Anh Huỳnh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị Thu N đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (cũ), nay là Uỷ ban nhân dân phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2018. Nay, anh Huỳnh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị Thu N đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, anh Huỳnh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị Thu N thuận tình ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân anh T và chị N có 03 con chung là Huỳnh Cát Bảo Tr, sinh ngày 21/4/2019; Huỳnh Cát Bảo H, sinh ngày 27/01/2021 và Huỳnh Nhã Ngh, sinh ngày 12/02/2024. Anh T và chị N thống nhất thỏa thuận giao cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Ngh (như nguyện vọng của con chung) cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh T và chị N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Huỳnh Lê Minh T phải chịu 75.000 đồng và chị Huỳnh Thị Thu N phải chịu 75.000 đồng. Anh T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000 đồng cả phần của chị N nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004403 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho anh Huỳnh Lê Minh T số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* chênh lệch.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV8-Gia L;
- UBND phường Xuân L;
- THADS tỉnh Gia L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Nhiều